CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng

Ngày 31/03/2024	33,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**157.8**	**-5.4%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	12,800 - 38,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	99
Số lượng CPLH (CP)	3,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.19)
EPS	2,666
P/E	12.4

DT thuần
Q1/24
8.60
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.20| -20.3%
YoY: ▼0.01| -0.1%

LN thuần
Q1/24
0.37
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.07| -74.4%
YoY: ▼0.20| -35.4%

LN sau thuế
Q1/24
0.25
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.07| -80.8%
YoY: ▼0.14| -35.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
4.1%
YoY: +/-▼ 11.2%

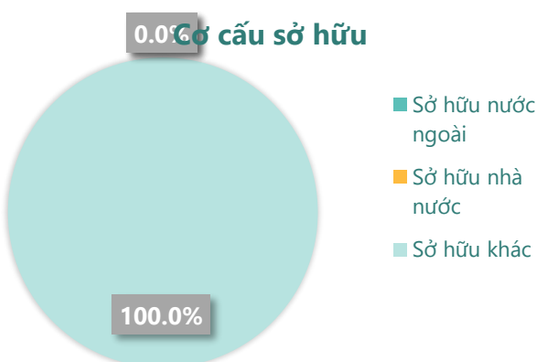
ROE (TTM)
Q1/24
19.3%
YoY: +/-▼ 0.5%

DT thuần
2023
82.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.10| -2.6%

LN thuần
2023
9.83
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.27| -2.8%

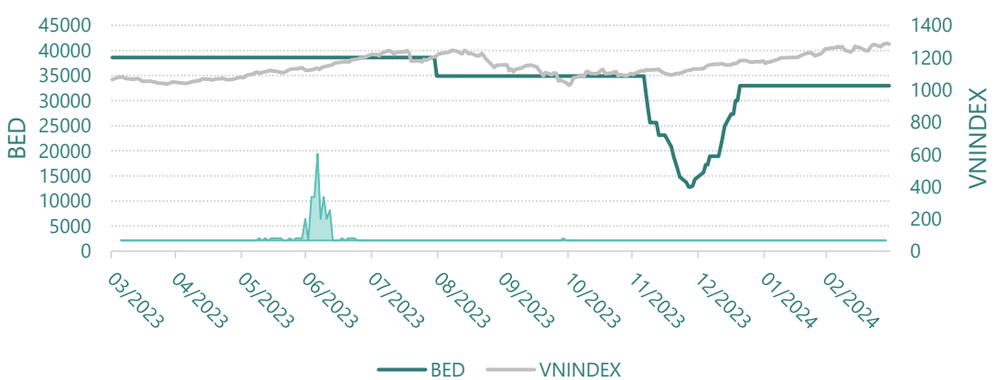
LN sau thuế
2023
8.11
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.86| 90.7%

Cơ cấu sở hữu

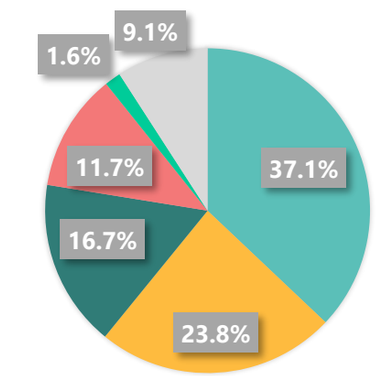


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

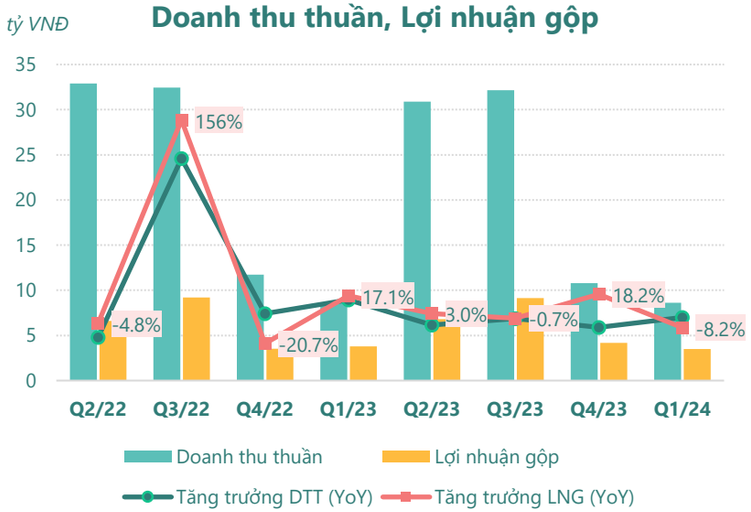


- Lê Trường Kỹ (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Văn Cần (Giám đốc)
- Huỳnh Phước Huyền Vy (Chủ tịch HĐQT)
- Thái Văn May
- Khương Tịnh (Thành viên Ban kiểm soát)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

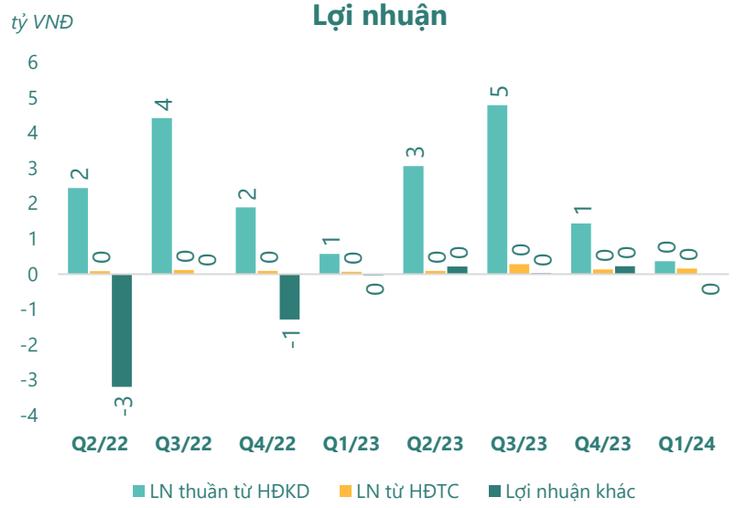
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



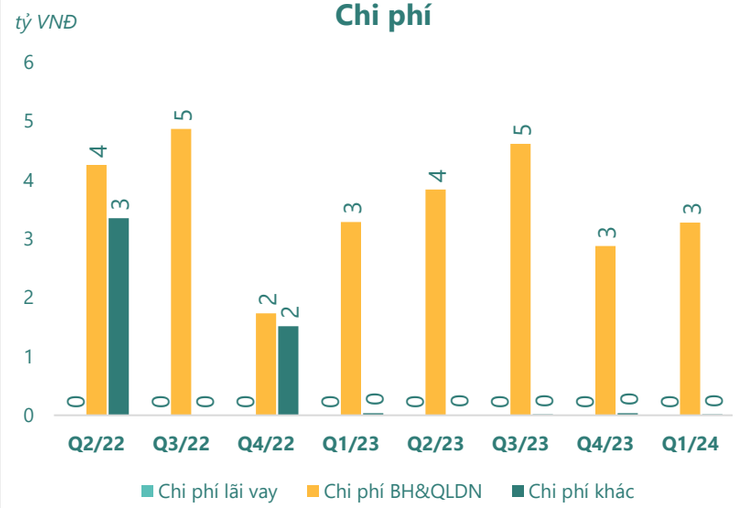
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



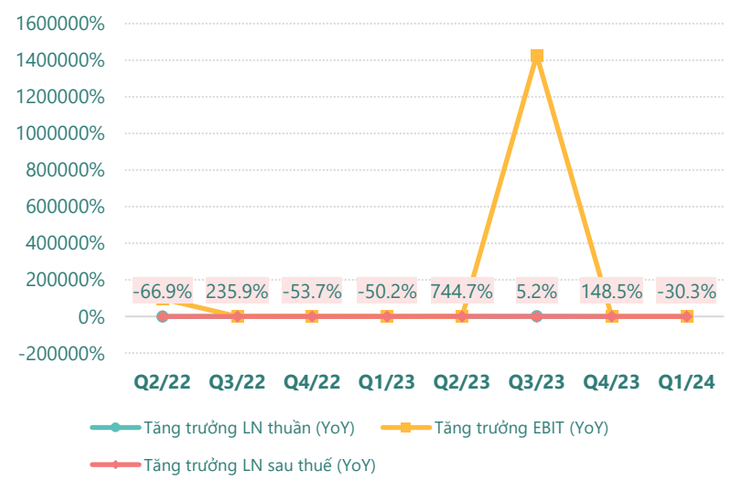
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



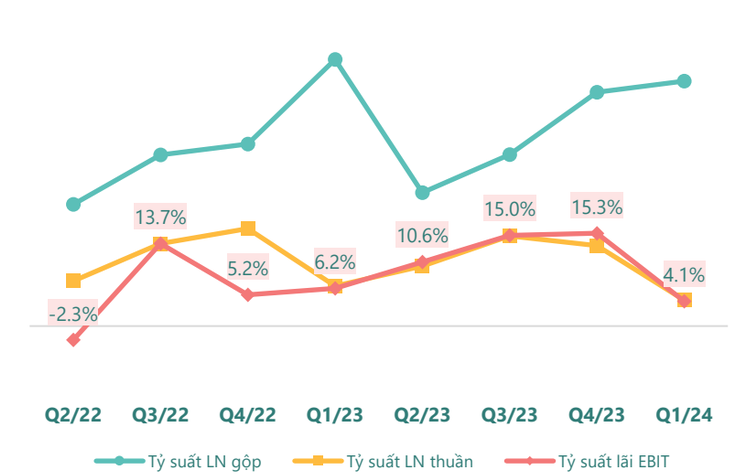
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



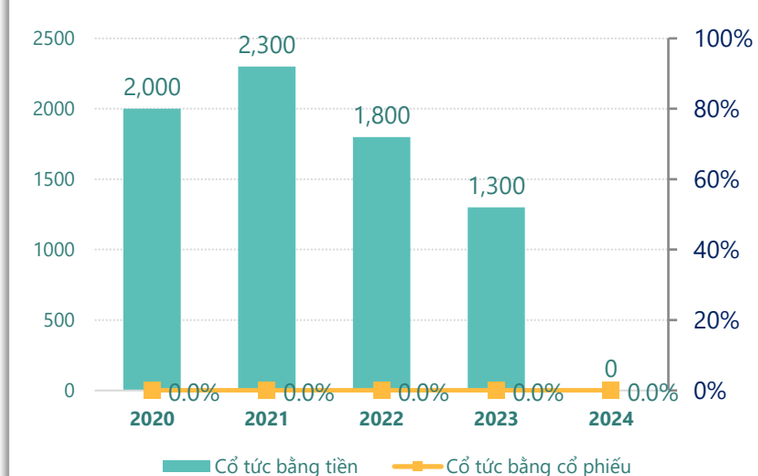
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

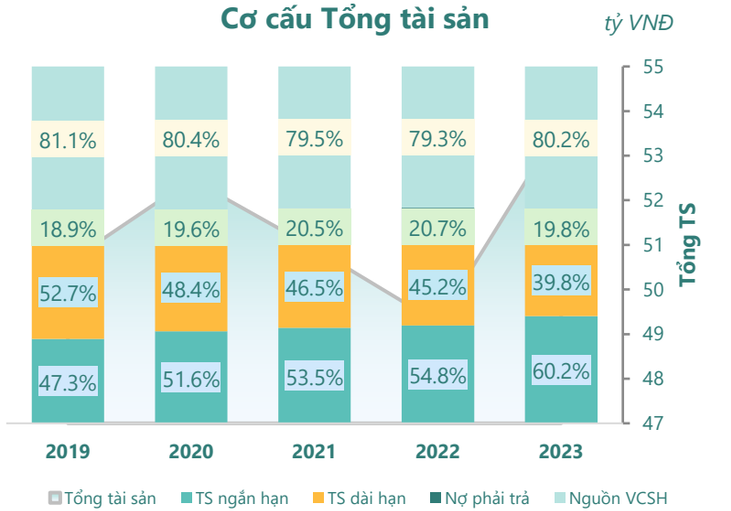
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

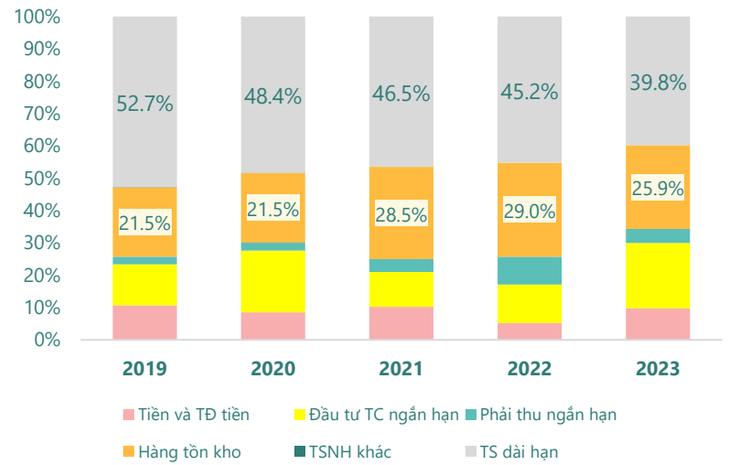
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



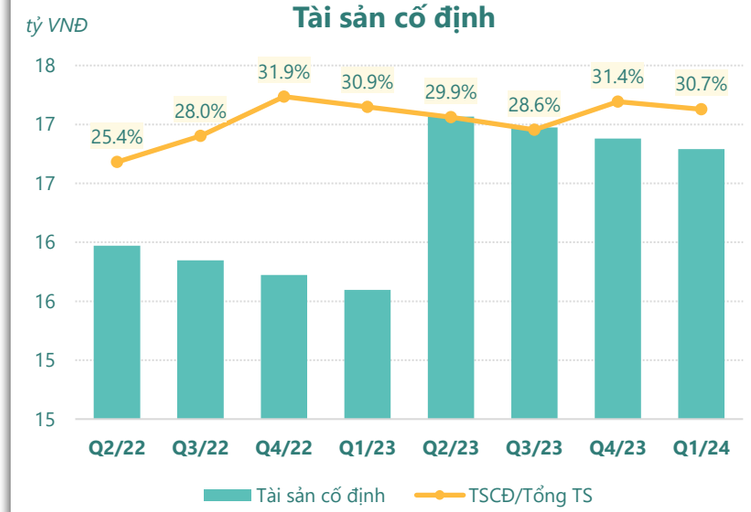
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



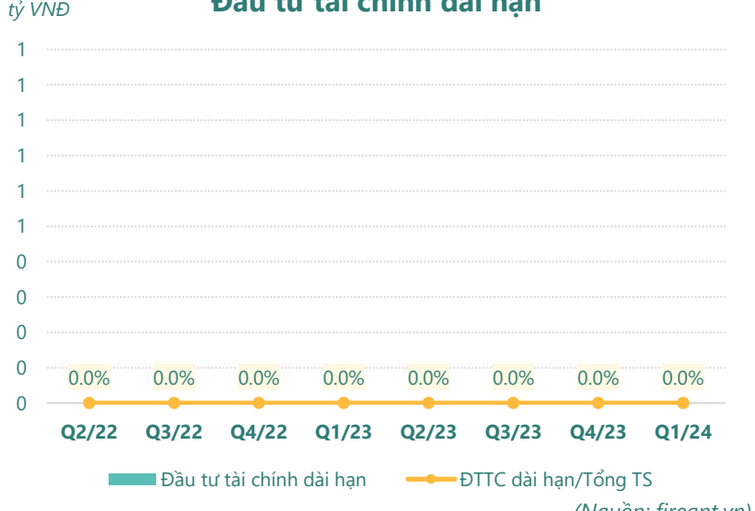
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



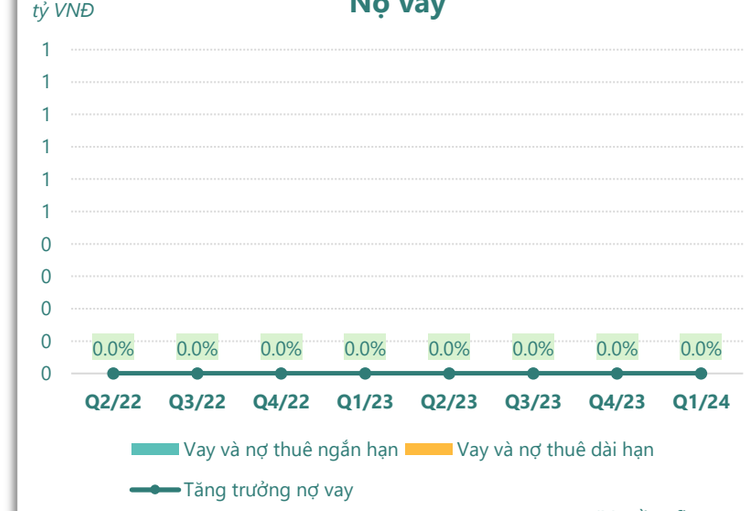
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

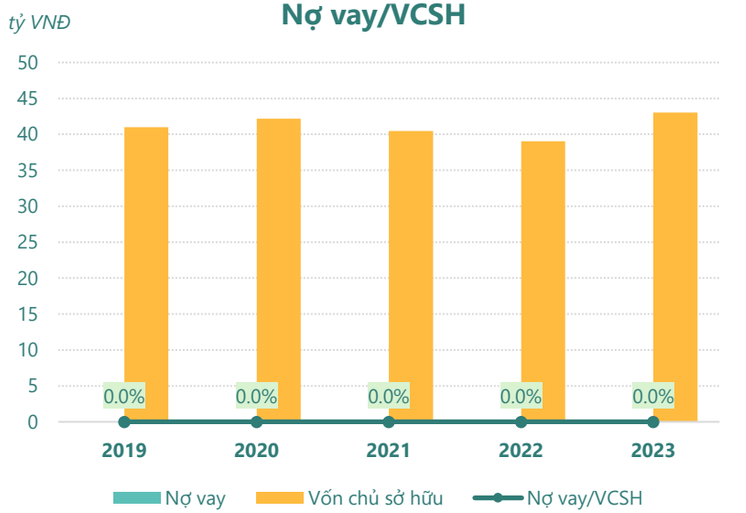
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

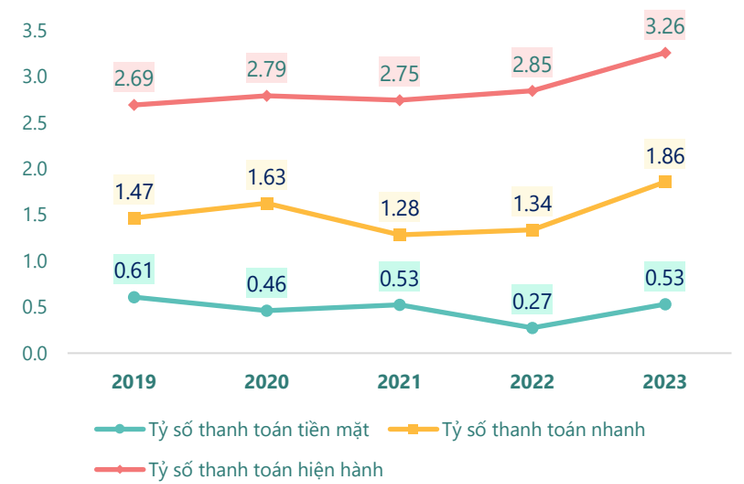
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



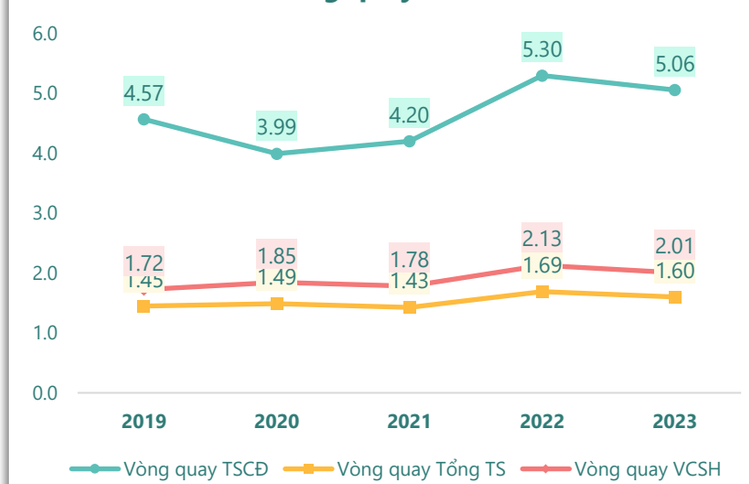
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



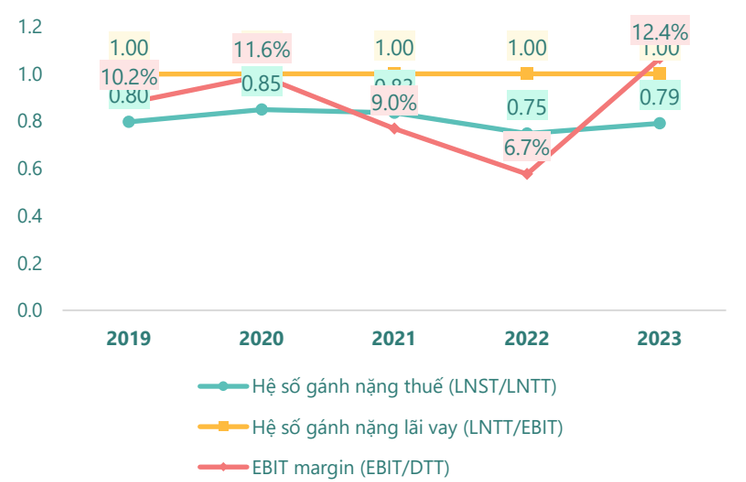
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



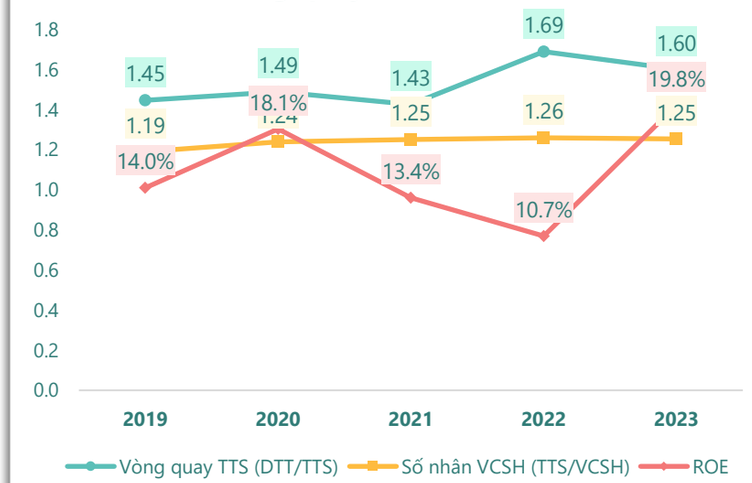
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



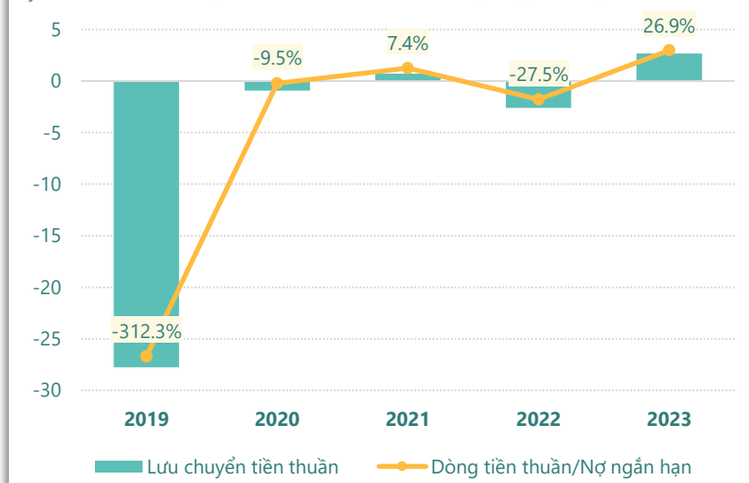
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**8.60**	**8.61**	**-0.1%**	**82.5**	**84.6**	**-2.6%**
Giá vốn hàng bán	5.12	4.81	6.4%	58.4	62.1	-5.9%
Lợi nhuận gộp	3.48	3.79	-8.1%	24.0	22.6	6.5%
Doanh thu HĐTC	0.16	0.07	131%	0.58	0.43	35.7%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.53	2.53	0.0%	11.4	9.56	19.7%
Chi phí QLDN	**0.75**	**0.76**	**-1.9%**	**3.35**	**3.33**	**0.6%**
LN thuần từ HĐKD	0.37	0.57	-35.4%	9.83	10.1	-2.8%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**-0.04**	**64.8%**	**0.43**	**-4.43**	**110%**
LN trước thuế	0.35	0.54	-34.4%	10.3	5.69	80.3%
Lợi nhuận sau thuế	**0.25**	**0.39**	**-35.0%**	**8.11**	**4.25**	**90.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.25**	**0.39**	**-35.0%**	**8.11**	**4.25**	**90.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.08	-1.76	5.58	6.76	0.66	-2.83
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.80	1.09	-0.94	-5.00	0.18	0.11
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.07	0	-3.90	0	0	0.00
Tiền đầu kỳ	3.39	2.60	1.94	2.67	4.43	5.27
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.78**	**-0.67**	**0.73**	**1.76**	**0.84**	**-2.72**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.60	1.94	2.67	4.43	5.27	2.55

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**54.7**	**53.7**	**1.9%**
Tài sản ngắn hạn	33.7	32.3	4.2%
Tiền và tương đương tiền	2.55	5.27	-51.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.8	10.8	0.0%
Phải thu ngắn hạn	5.13	2.33	120%
Hàng tồn kho	15.2	13.9	9.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**21.1**	**21.4**	**-1.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	16.8	16.9	-0.5%
Bất động sản đầu tư	3.50	3.65	-4.1%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.79**	**0.87**	**-9.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	11.4	10.7	7.3%
Nợ ngắn hạn	**10.7**	**9.91**	**8.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	8.55	7.34	16.5%
Nợ dài hạn	0.69	0.74	-7.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**43.3**	**43.0**	**0.6%**
Vốn chủ sở hữu	**43.3**	**43.0**	**0.6%**
Vốn điều lệ	30.0	30.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)